

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Hà Nội - Tháng 5 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6-21

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 13 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/03/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		571,244,643,067	588,488,692,218
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	111,139,935,208	107,330,448,733
1. Tiền	111		32,569,935,208	17,382,948,702
2. Các khoản tương đương tiền	112		78,570,000,000	89,947,500,031
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35,380,594,207	75,903,746,164
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	35,380,594,207	75,903,746,164
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114,764,341,211	96,644,762,367
1. Phải thu khách hàng	131		94,059,588,200	74,750,059,046
2. Trả trước cho người bán	132		23,342,037,553	23,996,566,766
3. Các khoản phải thu khác	135		2,366,624,687	3,762,111,998
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,003,909,229)	(5,863,975,443)
IV. Hàng tồn kho	140	7	298,268,284,143	292,415,175,565
1. Hàng tồn kho	141		298,268,284,143	292,415,175,565
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,691,488,298	16,194,559,389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,219,076,382	3,435,016,139
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,167,497,202	8,552,946,042
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		158,071,475	150,000,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4,146,843,239	4,056,597,208
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		309,019,125,114	310,813,813,905
I. Tài sản cố định	220		291,806,502,301	293,024,353,042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	271,207,716,876	272,381,084,342
- Nguyên giá	222		408,518,183,200	405,047,888,625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137,310,466,324)	(132,666,804,283)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	18,789,409,061	18,833,892,336
- Nguyên giá	228		38,048,647,876	37,465,687,876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19,259,238,815)	(18,631,795,540)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1,809,376,364	1,809,376,364
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		453,764,693	1,397,200,000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1,397,200,000	1,397,200,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		16,758,858,120	16,392,260,863
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15,842,086,528	15,475,489,271
2. Tài sản dài hạn khác	268		916,771,592	916,771,592
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		880,263,768,181	899,302,506,123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013		31/12/2012	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		147,056,892,068		177,267,246,030	
I. Nợ ngắn hạn	310		130,169,871,150		160,380,225,112	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	45,989,280,096		38,882,404,665	
2. Phải trả người bán	312		39,002,971,308		45,891,110,386	
3. Người mua trả tiền trước	313		5,736,882,854		4,426,974,747	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		6,761,031,864		38,148,468,096	
5. Phải trả người lao động	315		7,054,438,202		6,411,151,367	
6. Chi phí phải trả	316		248,600,000		1,438,135,032	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		25,376,666,826		25,181,980,819	
II. Nợ dài hạn	330		16,887,020,918		16,887,020,918	
1. Phải trả dài hạn khác	333		321,868,000		321,868,000	
2. Dự phòng phải trả dài hạn khác	336		2,165,152,918		2,165,152,918	
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		14,400,000,000		14,400,000,000	
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		732,746,094,582		720,986,771,177	
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	732,746,094,582		720,986,771,177	
1. Vốn điều lệ	411		279,865,180,000		279,865,180,000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,000,000,000		191,000,000,000	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(10,491,434,356)		(10,491,434,356)	
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		7,510,799,401		9,010,799,401	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		264,861,549,537		251,602,226,132	
C. LỢI ÍCH CỘNG THIỆU SỔ	439		460,781,531		1,048,488,916	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		880,263,768,181		899,302,506,123	



Lee Jae Eun

Tổng Giám đốc



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Tài chính



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2013	Quý 1/2012
1. Doanh thu bán hàng	01		129,025,196,766	134,393,068,634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	36,804,645
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	18	129,025,196,766	134,356,263,989
4. Giá vốn hàng bán	11	19	83,076,068,930	87,988,674,626
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		45,949,127,836	46,367,589,363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1,746,836,898	2,606,678,605
7. Chi phí tài chính	22	21	118,490,004	630,759,266
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		12,368,096,492	15,339,163,691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17,986,562,515	15,732,776,813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		17,222,815,723	17,271,568,198
11. Thu nhập khác	31		762,687,683	291,433,323
12. Chi phí khác	32		(140,259,638)	11,517,726
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		902,947,321	279,915,597
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18,125,763,044	17,551,483,795
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4,772,747,753	3,654,847,029
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		13,353,015,291	13,896,636,766
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		93,691,886	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (62= 60-61)	62		13,259,323,405	13,896,636,766



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 1/2013	Quý 1/2012
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	0	0	0
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	247,805,377,624	151,257,071,411
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(153,856,454,002)	(86,537,862,466)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21,834,675,727)	(26,373,099,485)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(558,574,101)	(787,181,523)
5. Tiền chi nộp thuế cho nhà nước	05	(41,627,336,978)	(33,177,996,174)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	88,073,327	241,399,504
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(1,730,968,685)	(1,229,382,873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28,285,441,458	3,392,948,394
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	0		0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,227,628,928)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24		0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(374,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,516,419,113	4,089,013,230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3,516,419,113	(5,512,615,698)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	0		0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0
doanh nghiệp đã phát hành	32		(8,033,439,585)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	45,368,638,786	17,000,639,640
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38,124,389,086)	(38,030,121,997)
5. Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	35	(35,380,594,207)	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	143,970,411	88,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27,992,374,096)	(28,974,921,942)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	3,809,486,475	(31,094,589,246)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	107,330,448,733	119,403,026,916
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	111,139,935,208	88,308,437,670



Lee Jae Eun

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2013

Cho Yong Hwan

Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc

Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 là 1.027 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.027).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, Công ty có các Công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND, số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.125.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, số vốn Công ty thực góp vào công ty con này là 2.395.160.000 VND.
- Công ty TNHH Everpia Campuchia. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số Co.2428 E/2012 ngày 13 tháng 9 năm 2012 do Bộ Thương Mại Vương Quốc Campuchia cấp với vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND, số vốn Công ty góp vào Công ty TNHH Everpia Campuchia tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 là 8.340.500.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Everpia Campuchia là kinh doanh mua bán, trao đổi xuất nhập khẩu các loại hàng hóa; cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ đào tạo; dịch vụ tư vấn Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty TNHH Everpia Campuchia thì Công ty sở hữu 100% vốn của Công ty con này.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 03 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	2013 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2013 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng khoản thời gian theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trợ cấp thôi việc phải trả này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Công văn số 4130/TCT-CS của Tổng cục Thuế gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 05 năm 2008, đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh được ưu đãi, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh, và thuế suất 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ cuối cùng của giai đoạn 10 năm áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 20%.

Từ năm 2013, công ty không được hưởng phần ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp này nữa.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do không có chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	843,564,336	537,375,431
Tiền gửi ngân hàng	31,726,370,873	16,845,573,271
Các khoản tương đương tiền (*)	78,570,000,000	89,947,500,031
	<u>111,139,935,208</u>	<u>107,330,448,733</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3,272,281,768	16,532,480,512
Nguyên liệu, vật liệu	140,113,446,550	137,053,843,238
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1,637,544,551	1,424,337,193
Thành phẩm	148,429,244,488	130,302,461,941
Hàng hoá	2,908,632,362	7,089,082,822
Hàng gửi đi bán	1,907,134,424	12,969,859
	<u>298,268,284,143</u>	<u>292,415,175,565</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	175,122,173,691	196,675,792,014	6,777,731,716	17,820,667,411	8,651,523,793	405,047,888,625
Tăng trong năm	1,874,508,961	801,055,474	6,963,673,659	352,590,960	9,671,686,798	19,663,515,852
Giảm trong kỳ	(14,685,849,132)	-	(1,507,372,145)	-	-	(16,193,221,277)
Tại ngày 31/03/2013	162,310,833,520	197,476,847,488	12,234,033,230	18,173,258,371	18,323,210,591	408,518,183,200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	20,873,339,450	99,104,224,052	6,438,973,289	4,347,736,677	1,902,530,815	132,666,804,283
Trích vào chi phí trong năm	376,131,558	3,664,293,768	535,257,419	356,978,254	403,255,908	5,335,916,907
Giảm trong kỳ	(692,254,866)	-	-	-	-	(692,254,866)
Tại ngày 31/03/2013	20,557,216,142	102,768,517,820	6,974,230,708	4,704,714,931	2,305,786,723	137,310,466,324
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/03/2013	141,753,617,378	94,708,329,668	5,259,802,522	13,468,543,440	16,017,423,868	271,207,716,876
Tại ngày 31/12/2012	154,248,834,241	97,571,567,962	338,758,427	13,472,930,734	6,748,992,978	272,381,084,342

Phân loại lại tài sản là hệ thống chiếu sáng và hệ thống điều hòa từ khoản mục “Nhà xưởng và vật kiến trúc” sang khoản mục “Thiết bị văn phòng” và “Tài sản khác”

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	23,494,500,000	7,831,500,000	5,452,794,189	686,893,687	37,465,687,876
Tăng trong năm	-	-	582,960,000	-	582,960,000
Tại ngày 31/03/2013	23,494,500,000	7,831,500,000	6,035,754,189	686,893,687	38,048,647,876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	11,086,233,347	5,249,686,520	1,728,093,817	567,781,856	18,631,795,540
Trích vào chi phí trong năm	306,562,005	129,090,660	147,805,005	43,985,605	627,443,275
Tại ngày 31/03/2013	11,392,795,352	5,378,777,180	1,875,898,822	611,767,461	19,259,238,815
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/03/2013	12,101,704,648	2,452,722,820	4,159,855,367	75,126,226	18,789,409,061
Tại ngày 31/12/2012	12,408,266,653	2,581,813,480	3,724,700,372	119,111,831	18,833,892,336

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/03/2013 VND	31/12/2012 VND
Lắp đặt hệ thống POS	1,809,376,364	1,809,376,364
	-	-
	1,809,376,364	1,809,376,364

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 6.600 và giá trị là 1.397.200.000 VND.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	-	22,446,341,300
Ngân hàng TMCP Shinhan Vina	28,577,159,137	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	833,565,611	6,536,600,017
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	15,175,494,303	7,769,471,426
Ông Lee Kyung Sung	1,403,061,045	2,129,991,922
	45,989,280,096	38,882,404,665

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay sau:

- Khoản vay ngắn hạn bằng USD từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (“Ngân hàng ANZ”) theo hợp đồng vay ngày 2 tháng 11 năm 2011 với hạn mức 2.800.000 USD, chịu lãi suất 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay, cho mục đích mua nguyên vật liệu hoặc thanh toán các thư tín dụng chứng từ trả ngay do Ngân hàng ANZ phát hành..

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Khoản vay được đảm bảo bằng:

- (a) hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho tại nhà kho ở Đồng Nai và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ít nhất bằng 100% hạn mức tiện ích;
 - (b) hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông với giá trị 436.048 USD; và
 - (c) bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho Ngân hàng ANZ tùy từng thời điểm.
- Khoản vay ngắn hạn bằng USD từ ngân hàng Shinhan Viet Nam– Chi nhánh Trần Duy Hưng theo số hợp đồng vay SHBVN/TDH/2012/0054 và phụ lục SHBVN/TDH/2012/0054/0001 ngày 22 tháng 3 năm 2013 thì hạn mức vay là 2.000.000 USD (hai triệu đôla Mỹ), lãi suất là 3.16%/năm, thời hạn là 6 tháng cho mục đích bổ sung vốn lưu động.
Khoản này được bảo lãnh bởi thư bảo lãnh của Mr Lee Jae Eun
 - Khoản vay ngắn hạn không có bảo đảm từ Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hưng Yên theo hợp đồng vay số 120285/VCB.HY ngày 31 tháng 7 năm 2012. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2013 và có thể được rút bằng đồng VND hoặc USD với hạn mức VND 100,000,000,000, chịu lãi suất 3.5%/năm, cho mục đích bổ sung vốn lưu động.
 - Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD, với thời hạn hiệu lực đến 29 tháng 4 năm 2015, chịu lãi suất 2%/năm, cho mục đích nhập khẩu.
Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tất cả các khoản thu từ tất cả các bên liên quan với trị giá ít nhất 100% giá trị tiện ích và hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty với giá trị bằng ít nhất 100% giá trị tiện ích.
 - Vay ngắn hạn từ ông Lee Kyu Sung để bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 9,6%/năm đến 12%/năm. Các khoản vay ngắn hạn này đều không được đảm bảo.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2,527,924,254	1,999,857,149
Thuế xuất, nhập khẩu	258,446,547	258,446,547
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,456,744,634	35,119,795,728
Thuế thu nhập cá nhân	461,119,115	690,110,282
Các loại thuế khác	56,797,314	80,258,390
	<u>6,761,031,864</u>	<u>38,148,468,096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	9,010,799,401	251,602,226,132	720,986,771,177
Phát hành cổ phiếu (i)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13,259,323,405	13,259,323,405
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	-	-	-	-	-	-
Cổ tức đã chia (ii)	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ (iii)	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (iv)	-	-	-	(1,500,000,000)	-	(1,500,000,000)
Số dư tại ngày 31/03/2013	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	7,510,799,401	264,861,549,537	732,746,094,582

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 04 tháng 9 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 279.865.180.000 VND, tương ứng với 27,986,518 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 31/03/2013	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	15.92%	4,455,857	44,558,574,944	15.92%	44,558,574,944
Quỹ Đầu tư Red River Holdings	12.26%	3,431,564	34,315,636,232	12.26%	34,315,636,232
Các cổ đông khác	71.82%	20,099,097	200,990,968,824	71.82%	200,990,968,824
	100%	27,986,518	279,865,180,000	100%	279,865,180,000

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,986,518	27,986,518
Số lượng cổ phiếu quỹ	479,300	479,300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,507,218	27,507,218

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác. Theo đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được coi là cùng lĩnh vực kinh doanh và là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

16. DOANH THU

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	87,938,286,351	87,307,066,349
Doanh thu thành phẩm bông	41,086,910,415	47,086,002,285
Tổng	129,025,196,766	134,393,068,634
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	36,804,645
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	36,804,645
Doanh thu thuần về bán hàng	129,025,196,766	134,356,263,989

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm	57,779,443,892	58,323,825,886
Giá vốn thành phẩm bông	25,296,625,038	29,664,848,740
	83,076,068,930	87,988,674,626

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
	VND	VND
Doanh thu tài chính	1,746,836,898	2,606,678,605
	1,746,836,898	2,606,678,605

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
	VND	VND
Chi phí tài chính	118,490,004	630,759,266
	118,490,004	630,759,266

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban [Tổng] Giám đốc xác định là 10%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty [cũng] chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể

tao ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Quý 1/2012</u>
	VND	VND
Lương gộp và các quyền lợi khác	3,757,207,416	3,337,949,380

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2012



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Tài chính



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập